

ETA



**TÌNH HÌNH
XUẤT, NHẬP KHẨU
MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH
SANG CÁC NƯỚC
THÀNH VIÊN CPTPP**

Tháng 02/2021

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



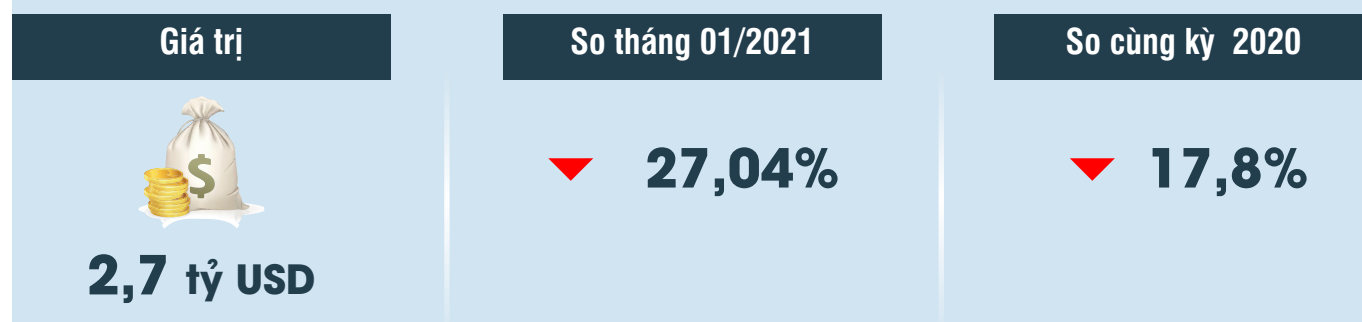
024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



wto_mtpd@moit.gov.vn

XUẤT KHẨU

Xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 02/2021



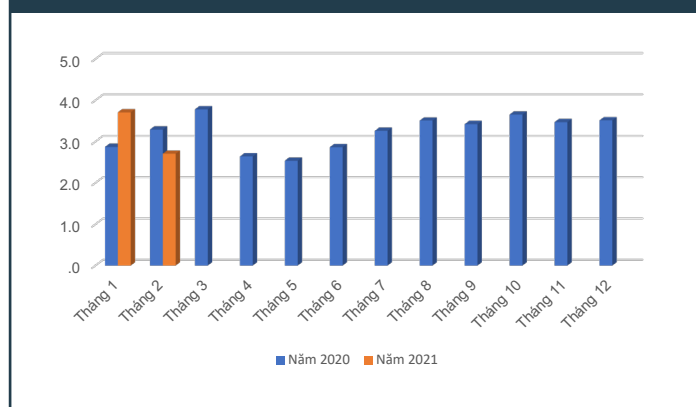
Xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP 02 tháng đầu năm 2021



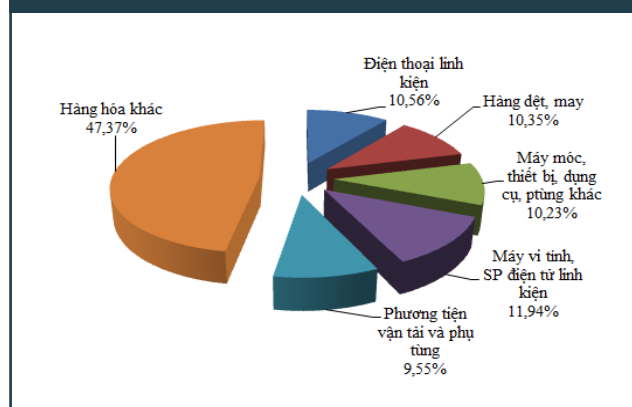
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP 2 tháng đầu năm 2021 đạt 6,4 tỷ USD, tăng 4,55% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 13,15% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Riêng tháng 2/2021, xuất khẩu sang khối thị trường này đạt 2,7 tỷ USD, giảm khá mạnh 27,04% so tháng trước và 17,8% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân giảm là do ảnh hưởng của kỳ Tết Nguyên Đán rơi vào cả tháng 2 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1 Hiện nay, Chile, Peru, Malaysia và Brunei đang tiến hành các thủ tục phê chuẩn Hiệp định CPTPP nên chưa chính thức thực thi Hiệp định.

Biểu đồ 01: Kim ngạch xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Biểu đồ 02: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 2/2021 (ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 01: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2021*

STT	Tên thị trường	KN tháng 2/2021 (USD)	So với tháng 1/2021 (%)	So với tháng 2/2020 (%)	2 tháng năm 2021 (USD)	So với 2T/2020 (%)	Tỷ trọng XK của từng khối 2T/2020 (%)	Tỷ trọng so tổng XK của cả nước 2T/2020 (%)
	Tổng trị giá XK của cả nước	20.195.667.948	-29,25	-3,16	48.743.558.290	24,73	-	100
	Tổng trị giá XK sang CPTPP	2.705.356.231	-27,04	-17,80	6.408.992.105	4,55	100	13,15
1	Nhật Bản	1.226.085.574	-29,54	-26	2.965.576.751	-4,86	46,27	6,08
2	Canada	265.494.952	-33,31	-17,49	663.455.436	14,81	10,35	1,36
3	Australia	264.896.664	-32,36	-9,87	656.279.469	19,08	10,24	1,35
4	Malaysia	272.493.944	-11,97	-12,81	580.395.816	-2,53	9,06	1,19
5	Singapore	222.486.093	-35,59	-13,13	569.408.482	16,34	8,88	1,17
6	Mexico	273.131.242	-8,73	3,22	569.157.028	14,47	8,88	1,17
7	Chile	95.641.491	-20,54	-6,41	216.010.354	31,45	3,37	0,44
8	New Zealand	44.703.893	-21,57	2,51	101.676.302	44,83	1,59	0,21
9	Peru	39.888.791	-12,85	5,36	85.585.402	39,03	1,34	0,18
10	Brunei	533.587	-41,62	-68,02	1.447.065	-75,4	0,02	0,003

* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 02: Kim ngạch xuất khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng XK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2021




STT	Mặt hàng XK chính	Tháng 2/2021 (USD)	So với T1/2021 (%)	So với T2/2020 (%)	2 tháng 2021 (USD)	So với 2T/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
	Tổng XK sang các nước CPTPP	2.705.356.231	-27,04	-17,80	6.408.992.105	4,55	100
1	Điện thoại các loại và linh kiện	285.809.554	-35,36	-33,54	727.950.796	13,61	11,36
2	Hàng dệt, may	279.916.160	-33,08	-26,74	698.194.052	-9,90	10,89
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	276.787.141	-27,72	-4,94	659.867.038	26,24	10,30
4	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	323.135.888	-3,74	11,83	658.740.304	21,77	10,28
5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	258.299.600	-21,17	-20,90	585.964.345	-8,68	9,14

* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHẬP KHẨU

Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 02/2021

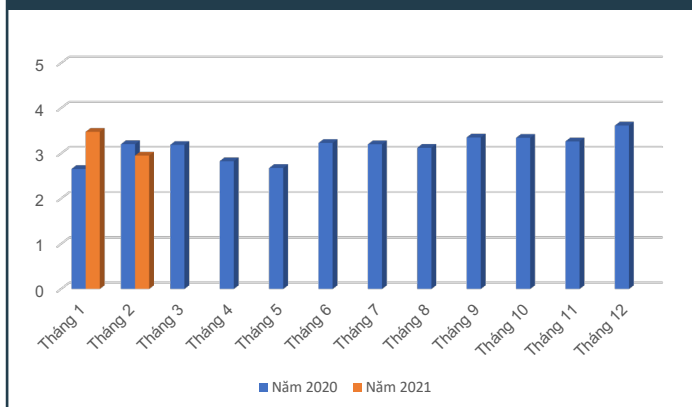
Giá trị	Tỷ trọng	So tháng 01/2021	So cùng kỳ 2020
 2,95 tỷ USD	14,3% trên tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước	 15,03%	 7,81%

Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP 02 tháng đầu năm 2021

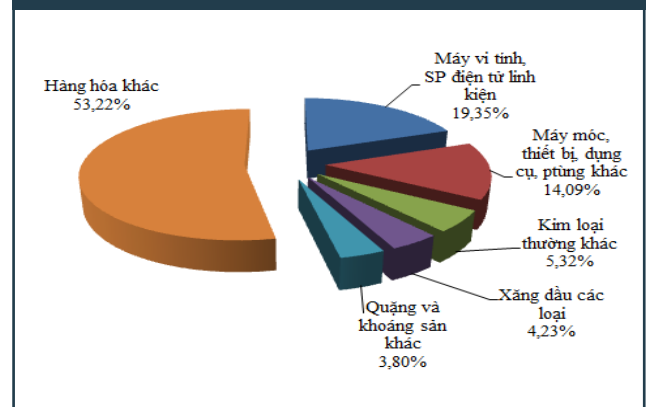
Giá trị	Tỷ trọng	So cùng kỳ 2020
 6,43 tỷ USD	13,66% trên tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước	 9,55%

Trong tháng 2/2021, trị giá nhập khẩu hàng hóa từ các nước thành viên CPTPP đạt 2,95 tỷ USD, giảm 15,03% so với tháng trước và giảm 7,81% so với cùng kỳ năm trước; chiếm tỷ trọng 14,3% tổng nhập khẩu hàng hóa của cả nước. Lũy kế 2 tháng đầu năm, tổng nhập khẩu từ khối thị trường này chiếm tỷ trọng 13,66% tương đương kim ngạch đạt 6,43 tỷ USD, tăng 9,55% so với cùng kỳ năm 2020.

Biểu đồ 03: Kim ngạch nhập khẩu từ khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Biểu đồ 04: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 2/2021 (ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 03: Tổng trị giá nhập khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2021*

STT	Tên thị trường	KN tháng 2/2021 (USD)	So với tháng 1/2021 (%)	So với tháng 2/2020 (%)	2 tháng năm 2021 (USD)	So với 2T/2020 (%)	Tỷ trọng NK của từng khối 2T/2020 (%)	Tỷ trọng so tổng NK của cả nước 2T/2020 (%)
	Tổng giá trị NK của cả nước	20.655.858.266	-21,93	11,18	47.107.985.815	26,42	-	100
	Tổng giá trị NK từ CPTPP	2.953.643.151	-15,03	-7,81	6.434.731.454	9,55	100	13,66
1	Nhật Bản	1.509.382.701	-10,12	-16,54	3.187.899.445	2,98	49,54	6,77
2	Malaysia	557.299.065	-23,75	5,28	1.285.419.526	32,71	19,98	2,73
3	Australia	454.136.830	-5,61	34,15	944.047.376	28,43	14,67	2,00
4	Singapore	270.256.783	-30,26	-9,39	657.882.918	6,32	10,22	1,40
5	Canada	46.270.254	-20,8	-26,44	104.700.540	-15,98	1,63	0,22
6	New Zealand	40.045.150	-12,66	-32,92	85.896.232	-16,74	1,33	0,18
7	Mexico	35.204.418	-26,9	-25,07	83.361.631	-1,46	1,30	0,18
8	Chile	20.514.370	-27,74	4,38	48.772.099	44,15	0,76	0,10
9	Brunei	15.564.561	45,94	-53,38	26.272.636	-70,05	0,41	0,06
10	Peru	4.969.019	-9,82	-23,8	10.479.051	-52,23	0,16	0,02

* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 04: Kim ngạch nhập khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng NK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 1 năm 2021

STT	Mặt hàng NK chính	Tháng 2/2021 (USD)	So với T1/2021 (%)	So với T2/2020 (%)	2 tháng 2021 (USD)	So với 2T/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
	Tổng NK từ các nước CPTPP	2.953.643.151	-15,03	-7,81	6.434.731.454	9,55	100
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	571.539.756	-21,89	-16,46	1.303.280.791	8,74	20,25
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	416.049.997	-13,96	-16,36	898.575.879	-0,07	13,96
3	Kim loại thường khác	157.136.848	0,67	21,27	313.250.223	37,88	4,87
4	Xăng dầu các loại	124.872.000	-28,61	23,11	297.268.830	12,64	4,62
5	Quặng và khoáng sản khác	112.171.411	-13,41	94,10	245.750.132	132,03	3,82

* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan